

ĐỀ 01

Bài 1 : (1,0 điểm) Viết các số sau :

- Sáu trăm mười ba triệu :

.....

- Một trăm ba mươi một triệu bốn trăm linh năm nghìn :

.....

- Bảy trăm năm mươi ba triệu

:.....

- Hai trăm năm mươi sáu triệu ba trăm linh bảy nghìn bảy trăm :

.....

Bài 2 : (1,0 điểm)

a) Viết số thích hợp vào chỗ chấm

2 tấn 7 kg = kg ; 2 giờ 20 phút = phút

b) Đúng ghi Đ, sai ghi S vào chỗ chấm :

Số	3824	5342769
Giá trị chữ số 3	300	300000
Đúng / sai		

Bài 3 : (2,0 điểm) Đặt tính rồi tính

$$68045 + 21471$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

$$96306 - 74096$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

$$1162 \times 4$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

$$672 : 6$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 4 : (1,0 điểm) Tìm x :

$$x + 262 = 4848$$

.....
.....

$$x - 707 = 3535$$

.....
.....

Bài 5 : (1,0 điểm) Tính bằng cách thuận tiện nhất

$$98 + 3 + 97 + 2$$

.....
.....

Bài 6 : (1,5 điểm) Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng

a) Phát biểu nào sau đây là đúng :

A. Góc tù lớn hơn góc vuông.

B. Góc tù bằng góc vuông.

C. Góc tù bé hơn góc vuông.

b) Số trung bình cộng của 36 ; 42 và 12 là :

A. 30

B. 33

C. 31

c) Cô giáo nói: Bạn Bắc sinh vào năm cuối cùng của thế kỉ hai mươi. Năm nay là năm 2013, vậy tuổi của Bắc hiện nay là :

A. 13 tuổi

B. 11 tuổi

C. 10 tuổi

Bài 7 : (2 điểm)

Tuổi anh và tuổi em cộng lại được 34 tuổi, anh hơn em 6 tuổi. Hỏi anh bao nhiêu tuổi, em bao nhiêu tuổi ?

Tóm tắt

.....
.....
.....
.....
.....

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....

.....

.....

Bài 8 : (0.5 điểm) Tính giá trị của $a + b + c$ nếu :
 $a = 5$, $b = 7$, $c = 10$

HƯỚNG DẪN CHẤM

Bài 1 : (1 điểm) Viết đúng số mỗi hàng ghi 0,25 điểm

Bài 2 : (1 điểm) Ghi đúng mỗi chỗ chấm 0,25 điểm

Bài 3 : (2 điểm)

- Đặt tính đúng mỗi phép tính ghi 0,25đ (đối với phép nhân, chia yêu cầu học sinh phải tính đúng các tích riêng ở các lần nhân hoặc thương, số dư của mỗi lần chia.

- Tính đúng mỗi phép tính ghi 0,25đ

$$\begin{array}{r} 68\,045 \\ + \\ \hline 21\,471 \\ \hline 89\,516 \end{array} \quad \begin{array}{r} 96\,306 \\ - \\ \hline 74\,096 \\ \hline 22\,210 \end{array} \quad \begin{array}{r} 1162 \\ \times \\ \hline 4 \\ \hline 4648 \end{array} \quad \begin{array}{r} 672 \overline{) 6} \\ 07 \overline{) 112} \\ 12 \overline{) 0} \end{array}$$

Bài 4 : (1,0 điểm) Tìm x

Học sinh thực hiện đúng mỗi bài 0.5 điểm

$$\begin{array}{ll} x + 262 = 4848 & x - 707 = 3535 \\ x = 4848 - 262 \text{ (0,25 đ)} & x = 3535 + 707 \text{ (0,25 đ)} \\ x = \mathbf{4586} \text{ (0,25 đ)} & x = \mathbf{4242} \text{ (0,25 đ)} \end{array}$$

Bài 5 : (1,0 điểm) Tính bằng cách thuận tiện nhất

$$\begin{aligned} 98 + 3 + 97 + 2 &= (98 + 2) + (97 + 3) \\ &= 100 + 100 \\ &= 200 \end{aligned}$$

Bài 6 : (1,5 điểm) Mỗi câu 0,5 điểm

Câu	a	b	c
Đáp án	A	A	A

Bài 7 : (2 điểm)

- Tóm tắt đúng : (0,5đ)
- Ghi đúng câu lời giải, tính và viết đúng tuổi chị (0,5đ)
- Ghi đúng câu lời giải, tính và viết đúng tuổi em (0,5đ)
- Ghi đúng đáp số (0,5đ)
- Câu lời giải sai hoặc chưa hoàn chỉnh trừ 0,25đ, sai đơn vị trừ 0,25đ. Điểm trừ tối đa cả bài là 0,25đ

Bài giải

Tuổi của anh là:

$$(34 + 6) : 2 = \mathbf{20} \text{ (tuổi)}$$

Tuổi của em là:

$$34 - 20 = \mathbf{14} \text{ (tuổi)}$$

Đáp số : anh **20** tuổi

Em **14** tuổi

Bài 8 : (0.5 điểm) Tính giá trị của $a + b + c$ nếu :

$$a = 5, b = 7, c = 10$$

$$\text{Nếu } a = 5, b = 7, c = 10 \text{ thì } a + b + c = 5 + 7 + 10 = 22$$

ĐỀ 02

A- Phần trắc nghiệm: (3 điểm)

Hãy khoanh tròn vào chữ cái a,b,c,d có câu trả lời đúng nhất.

Bài 1: (1 điểm) Số 7635672 được đọc là:

- a. Bảy triệu sáu trăm ba mươi năm nghìn sáu trăm bảy mươi hai.
- b. Bảy triệu sáu trăm ba lăm nghìn sáu trăm bảy mươi hai.
- c. Bảy triệu sáu trăm nghìn ba mươi năm nghìn sáu trăm bảy mươi hai.
- d. Bảy triệu sáu trăm ba mươi năm nghìn sáu bảy hai.

Bài 2: (1 điểm) . Có bao nhiêu số có 3 chữ số mà mỗi chữ số của số đó đều giống nhau?

- a.7
- b. 8
- c. 9
- d.1

Bài 3: (1 điểm) . 1 tấn =kg

- a. 100
- b. 1000
- c. 10000
- d.10

Bài 4: (1 điểm) Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

$$101113 > 1011...3$$

- a. 0
- b. 1
- c. 2
- d. 3

B- Phần tự luận : (6 điểm)

Bài 5: (1 điểm) Viết số biết số đó gồm:

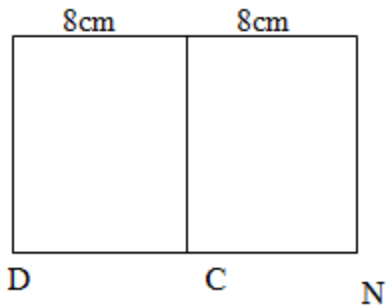
.....

Bài 6: (2điểm) Đặt tính rồi tính:

b. $649072 - 178526$

d. $5867 : 17$

Bài 7: (1 điểm) Cho hình vẽ bên. Biết ABCD và BMNC là các hình vuông cạnh 8 cm. Viết tiếp vào chỗ chấm:



a) Đoạn thẳng AM vuông góc với các đoạn thẳng.....

b) Diện tích hình chữ nhật

AMND.....

Bài 8: (2 điểm) Một ô tô 2 giờ đầu chạy được 60 km, 3 giờ sau chạy được 90 km. Hỏi trung bình mỗi giờ ô tô chạy được bao nhiêu km?

[illegible]

ĐÁP ÁN

A- Phần trắc nghiệm : 4 điểm

- Mỗi câu 1điểm.

Câu1	Câu 2	Câu 3	Câu 4
a	c	b	a

B- Phần tự luận : 6 điểm

Bài 5: Viết (1 đ) mỗi số đúng 0,5 điểm

a.80706504

b.14600304

Bài 6: Đặt tính và tính (2đ) mỗi phép tính đúng 0,5 điểm

a, 11162096

b, 470546

c, 501584

d, 351

Bài 7. (1đ) Mỗi câu đúng 0,5 điểm

a)AD, BC, MN

b) 128 cm^2

Bài 8: (2đ) _____

Bài giải

Quãng đường ô tô đó chạy được: (0,25đ)

$$60 + 90 = 150 \text{ (km)} \quad (0,5đ)$$

Thời gian ô tô đó chạy: (0,25đ)

$$2 + 3 = 5 \text{ (giờ)} \quad (0,25đ)$$

Trung bình mỗi giờ ô tô đó chạy được: (0,25đ)

$$150 : 5 = 30 \text{ (km)} \quad (0,5đ)$$

ĐỀ 03

I. TRẮC NGHIỆM: 4 điểm

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1: **(0,5 điểm)** Số bé nhất trong các số: 234789; 243789; 234879; 289743.
A. 234789 B. 243789 C. 234879 D. 289743

Câu 2: **(0,5 điểm)** Số nào trong các số dưới đây có chữ số 9 biểu thị cho 9000?
A. 93574 B. 29687 C. 17932 D. 80296

Câu 3: **(0,5 điểm)** Kết quả của phép nhân 125×428 là:
A. 53400 B. 53500 C. 35500 D. 53005

Câu 4: **(0,5 điểm)** Thương của phép chia $67200 : 80$ là số có mấy chữ số:
A. 5 chữ số B. 4 chữ số C. 3 chữ số D. 2 chữ số

Câu 5: **(1 điểm)** Một hình chữ nhật có chiều dài là 15 m, chiều rộng là 8 m. Diện tích là:
A. 100 m^2 B. 110 m^2 C. 120 m^2 D. 130 m^2

Câu 6: **(1 điểm)** Số thích hợp để viết vào chỗ chấm chấm của 5 tấn 15 kg = kg là:
A. 5015 B. 5051 C. 5501 D. 5105

II. PHẦN TỰ LUẬN: 6 điểm

Câu 1. Đặt tính rồi tính **(2 điểm)**

a. $45587 + 21706$
.....
.....
.....

c. 235×108
.....
.....
.....

b. $746215 - 41102$
.....
.....
.....

d. $2520 : 12$
.....
.....
.....

-
- Câu 2. (1 điểm)Đổi các đơn vị sau:
- a) $18\text{m}^28\text{dm}^2 = \dots\dots\dots\text{dm}^2$
- b) 2 phút 5 giây =.....giây

Câu 3: (1 điểm)Tìm số tròn chục x , biết $47 < x < 82$

.....

.....

.....

.....

Câu 4. (2 điểm)

Một hình vuông có cạnh là 9 cm. Tính chu vi và diện tích hình vuông đó.

Bài giải:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐÁP ÁN MÔN TOÁN LỚP 4

I. TRẮC NGHIỆM: 4 điểm

Câu 1 : (0,5 điểm)	A	Câu 4 : (0,5 điểm)	C
Câu 2 : (0,5 điểm)	B	Câu 5 : (1 điểm)	C
Câu 3 : (0,5 điểm)	B	Câu 6 : (1 điểm)	A

II. PHẦN TỰ LUẬN: 6 điểm

Câu 1: Mỗi phép tính 0,5 điểm.

a) 67293 ; b) 705113 ; c) 25380 ; d) 210

Câu 2. : (1 điểm) Làm đúng mỗi câu được 0,5 điểm.

a) 1808 dm^2 b) 125 giây

Câu 3. (1 điểm) Viết đúng mỗi số được 0,25 điểm.

Số tròn trăm lớn hơn 47 và nhỏ hơn 82 là các số 50, 60, 70, 80.

Vậy x là các số : 50, 60, 70, 80.

Câu 4. Giải bài toán. (2 điểm)

Bài giải

Chu vi hình vuông là: (0.25 đ)

$$9 \times 4 = 36 \text{ (m)} \quad (0.5 \text{ đ})$$

Diện tích hình vuông là : (0,25 đ)

$$9 \times 9 = 81 \text{ (m}^2\text{)} \quad (0,5 \text{ đ})$$

Đáp số: Chu vi: 36 mét (0.25 đ)

Diện tích: 81 m² (0.25 đ)

ĐỀ 04

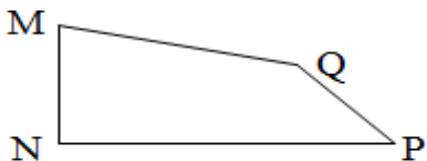
PHẦN 1: Trắc nghiệm (5 điểm).

Hãy khoanh vào trước câu trả lời đúng:

Bài 1. (1 điểm) Số 85 201 890 được đọc là:

- a. Tám trăm năm mươi hai triệu không trăm mười tám nghìn chín mươi
- b. Tám mươi lăm triệu hai trăm linh một nghìn tám trăm chín mươi
- c. Tám triệu năm trăm hai không một nghìn tám trăm chín mươi
- d. Tám nghìn năm trăm hai mươi triệu một nghìn tám trăm chín mươi

Câu 2: (1 điểm) Cho tứ giác MNPQ như hình vẽ góc vuông thuộc đỉnh nào sau đây?



- A. đỉnh M B. đỉnh P C. đỉnh N D. đỉnh Q

Câu 3. (1 điểm) 1 tấn =kg

- A. 1000 (1) B. 100 C. 10000 D. 10

Bài 4. (1 điểm) Chữ số 2 trong số 7 642 874 chỉ:

- A. 20 000 B. 200 C. 200 000 D. 2000

Câu 5. (1 điểm) 1 giờ =phút

- A. 60 phút B. 90 phút C. 120 phút D. 50 phút

PHẦN 2: Tự luận (5 điểm).

Câu 6. (2 điểm). Đặt tính rồi tính.

a. $76402 + 12856$

b. $49172 - 28526$

c. 334×37

d. $128\,472 : 6$

Câu 7: (1 điểm). Tính bằng cách thuận tiện nhất.

a. $490 \times 365 - 390 \times 365$

b. $2364 + 37 \times 2367 + 63 =$

Câu 8: (2 điểm). Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài bằng 105 mét, chiều rộng bằng 68 mét. Tính

- a. Chu vi mảnh đất đó
 - b. Diện tích mảnh đất đó.
-

HƯỚNG DẪN CHẤM

PHẦN 1 Trắc nghiệm: (5 điểm) Một câu trả lời đúng được 1 điểm :

- Câu 1. Khoanh vào: B (1 điểm).
- Câu 2. Khoanh vào: C (1 điểm).
- Câu 3. Khoanh vào: A (1 điểm).
- Câu 4. Khoanh vào: D (1 điểm)
- Câu 5. Khoanh vào: A (1 điểm)

PHẦN 2 : Tự luận (5 điểm).

Câu 6: (2 điểm). Đặt tính và tính đúng mỗi phép tính được (0,5) điểm.

- a. 89258 b. 20646 c. 12358 d. 21412

Câu 7: (1 điểm). **Tính bằng cách thuận tiện nhất** Mỗi phép tính đúng được 0.5 điểm

a) $490 \times 365 - 390 \times 365 = 365 \times (490 - 390)$
 $= 365 \times 100$
 $= 36500$

b. $2364 + 37 \times 2364 + 63 = 2364 \times (37 + 63)$
 $= 2364 \times 10$
 $= 23640$

Câu 8: (2 điểm)

- Mỗi lời giải đúng được 0,5 điểm

- a. Tìm được chu vi được 0,5 điểm
- b. Tìm được diện tích được 0,5 điểm

a. Chu vi mảnh đất đó là
 $(105 + 68) \times 2 = 346 \text{ (m)}$

b. Diện tích mảnh đất đó là
 $105 \times 68 = 7140 \text{ (m}^2\text{)}$

Đáp số: 346 m
7140 m²

ĐỀ 5

1. Đặt tính rồi tính:

• $54\,172 \times 3$

• 385×200

• 276×412

• 83×11

• 23×46

• 960×70

2. Tính nhẩm:

• $2005 \times 10 =$

• $358 \times 1000 =$

• $6700 \times 10 : 100 =$

• $80\,000 : 10\,000 \times 10 =$

3. Tính bằng cách thuận tiện nhất:

a) $4 \times 21 \times 25$

b) $63 \times 178 - 53 \times 178$

c) $607 \times 92 + 607 \times 8$

d) $8 \times 4 \times 25 \times 125$.

4. Đặt tính rồi tính:

• $9090 : 88$

• $6726 : 177$

• $48\,675 : 234$

• $209\,600 : 400$

5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

• $1300\text{cm}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$

• $500\text{cm}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$

• $9\text{m}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$

• $4\text{dm}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$

• $\dots\dots\dots \text{dm}^2$

• $13\text{dm}^2\,5\text{cm}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$

• $5308\text{dm}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$

• $3\text{m}^2\,6\text{dm}^2 = \dots\dots\dots \text{dm}^2$

• $8791\text{dm}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2 =$

6. Một cái sân hình chữ nhật có chu vi 108m và có chiều rộng là 18m. Tính diện tích cái sân đó.

7. May mỗi bộ quần áo cần có 3m 50cm vải. Hỏi:

a) May 82 bộ quần áo như thế cần có bao nhiêu mét vải?

b) Có 49m vải thì may được bao nhiêu bộ quần áo như thế?

ĐÁP ÁN

1. 162 516; 113 712; 1058; 77 000; 913; 67 200

2. 20 050; 358 000; 670; 80

3. a) $4 \times 21 \times 25 = 4 \times 25 \times 21 = 100 \times 21 = 2100$

b) $63 \times 178 - 53 \times 178 = 178 \times (63 - 53) = 178 \times 10 = 1780$

c) $607 \times 92 + 607 \times 8 = 607 \times (92 + 8) = 607 \times 100 = 60700$

d) $8 \times 4 \times 25 \times 125 = 8 \times 125 \times 4 \times 25 = 1000 \times 100 = 100\,000$

4.

$$\begin{array}{r|l} 9090 & 88 \\ 0290 & 103 \\ \hline & 26 \end{array}$$

$$\begin{array}{r|l} 48675 & 234 \\ 01875 & 208 \\ \hline & 003 \end{array}$$

$$\begin{array}{r|l} 6726 & 177 \\ 1416 & 38 \\ \hline & 0 \end{array}$$

$$\begin{array}{r|l} 209600 & 400 \\ 960 & 524 \\ 1600 & \\ \hline & 0 \end{array}$$

5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

• $1300\text{cm}^2 = 13\text{ dm}^2$

• $500\text{cm}^2 = 5\text{ dm}^2$

• $9\text{m}^2 = 900\text{ dm}^2$

• $4\text{dm}^2 = 400\text{ cm}^2$

• $13\text{dm}^2\ 5\text{cm}^2 = 1305\text{ cm}^2$

• $5308\text{dm}^2 = 53\text{ m}^2 = 8\text{ dm}^2$

• $3\text{m}^2\ 6\text{dm}^2 = 306\text{ dm}^2$

• $8791\text{dm}^2 = 87\text{ m}^2 = 91\text{ dm}^2$

6. Nửa chu vi là:

$$108 : 2 = 54\text{ (m)}$$

Chiều dài là:

$$54 - 18 = 36\text{ (m)}$$

Diện tích cái sân là:

$$36 \times 18 = 648\text{ (m}^2\text{)}$$

Đáp số: 648m^2

7. a) $3\text{m}50\text{cm} = 350\text{cm}$

May 82 bộ quần áo thì cần:

$$350 \times 82 = 28\,700\text{ (cm)} = 287\text{ (m)}$$

b) Số bộ quần áo may được là:

$$4900 : 350 = 14\text{ (bộ)}$$

Đáp số: a) 287m

b) 14 bộ